

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2017

MỤC LỤC

	Trang
□ Bảng cân đối kế toán ngày 31/03/2017	1 - 3
□ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 31/03/2017	4
□ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 31/03/2017	5
□ Thuyết minh báo cáo tài chính 31/03/2017	6 - 13



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42,773,547,371	41,055,491,381
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(1)	642,859,376	705,134,590
1. Tiền	111		642,859,376	705,134,590
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(2)	37,000,000,000	35,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		37,000,000,000	35,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(3)	4,743,765,111	4,875,258,916
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		21,000,000	21,000,000
3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		3,293,819,276	3,065,581,417
4. Phải thu ngắn hạn khác	135		1,428,945,835	1,788,677,499
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		386,922,884	475,097,875
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(4)	386,922,884	475,097,875
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4,769,518,910	5,134,046,681
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	89,625,000
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	218		-	89,625,000
II. Tài sản cố định	220	(6)	4,030,580,728	4,289,535,552
1. TSCĐ hữu hình	221		634,590,000	676,896,000
- Nguyên giá	222		846,120,000	846,120,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(211,530,000)	(169,224,000)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		3,395,990,728	3,612,639,552
- Nguyên giá	228		4,054,843,148	4,054,843,148
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(658,852,420)	(442,203,596)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		738,938,182	754,886,129
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5)	703,212,388	719,160,335
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		35,725,794	35,725,794
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		47,543,066,281	46,189,538,062

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,938,969,886	3,324,911,213
I. Nợ ngắn hạn	310		1,757,719,887	3,179,911,213
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	53,085,000
2. Người mua trả tiền trước	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(7)	731,772,248	747,980,715
4. Phải trả người lao động	314		-	1,054,992
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(8)	1,024,862,639	2,299,780,677
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	(9)	1,085,000	78,009,829
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
II. Nợ dài hạn	330		181,249,999	145,000,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
3. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	(10)	181,249,999	145,000,000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(11)	45,604,096,395	42,864,626,849
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	410		45,604,096,395	42,864,626,849
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25,000,000,000	25,000,000,000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		904,309,583	904,309,583
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)	419		904,309,583	904,309,583
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		18,795,477,229	16,056,007,683
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		47,543,066,281	46,189,538,062

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 03 năm 2017.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Thuyết Minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		-	-
Trong đó:			-	-
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		-	-
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	009		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	010		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013		-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	(12)	2,238,781,065	8,632,347,247
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		2,238,781,065	8,632,347,247
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032			
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	(15)	131,782,718,476	123,095,845,165
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		131,782,718,476	123,095,845,165
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042			
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	(13)	373,343,188	1,556,255,022
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	(14)	4,491,851,978	3,930,327,549

Ngày 18 tháng 04 năm 2017

Người lập



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Linh



Tổng Giám Đốc


Trần Châu Danh

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2017		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Q1.2017	Q1.2016	Lũy kế Q1.2017	Lũy kế Q1.2016
Doanh thu	01		6,811,590,253	4,935,506,474	6,811,590,253	4,935,506,474
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	(16)	6,811,590,253	4,935,506,474	6,811,590,253	4,935,506,474
Doanh thu hoạt động tài chính	21	(18)	603,803,431	449,441,919	603,803,431	449,441,919
Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(17)	3,991,056,751	3,170,391,005	3,991,056,751	3,170,391,005
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,424,336,933	2,214,557,388	3,424,336,933	2,214,557,388
Thu nhập khác	31		-	-	-	-
Chi phí khác	32		-	(3)	-	(3)
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	(3)	-	(3)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,424,336,933	2,214,557,385	3,424,336,933	2,214,557,385
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(19.1)	(684,867,387)	(442,911,477)	(684,867,387)	(442,911,477)
Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		2,739,469,546	1,771,645,908	2,739,469,546	1,771,645,908

Ngày 18 tháng 04 năm 2017

Người lập



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Linh



Tổng Giám Đốc

Trần Châu Danh

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	I			
Lợi nhuận trước thuế	01		3,424,336,933	2,214,557,385
<i>Điều chỉnh:</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		258,954,824	77,072,667
Các khoản dự phòng	03		36,249,999	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(603,803,431)	(449,441,919)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động			3,115,738,325	1,842,188,133
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(74,162,859)	283,001,342
(Tăng)/giảm các khoản phải trả	11		(1,352,901,953)	(1,476,984,573)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		51,037,938	118,602,579
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(701,071,760)	(381,209,471)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,038,639,691	385,598,010
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	II			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		-	(104,232,320)
Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16,500,000,000)	(14,000,000,000)
Tiền thu khi đáo hạn hợp đồng tiền gửi ngân hàng	24		14,500,000,000	13,700,000,000
Lãi tiền gửi thu được	27		899,085,095	807,044,700
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động đầu tư	30		(1,100,914,905)	402,812,380
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	III			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(62,275,214)	788,410,390
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		705,134,590	932,331,706
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		642,859,376	1,720,742,096

Ngày 18 tháng 04 năm 2017

Người lập



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Linh



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Hình thức sở hữu vốn

Vốn trong nước

2. Lĩnh vực kinh doanh

Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

3. Thông tin doanh nghiệp

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam được thành lập theo Giấy phép 53/GP-UBCK cấp ngày 10 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính : 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian hoạt động : 50 năm.

Chủ sở hữu : Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Dai-ichi Việt Nam.

4. Tổng số công nhân viên

Đến thời điểm 31/03/2017: tổng số công nhân viên là 11 người.

II. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán: năm đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến 31/12/2014, các năm tiếp theo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong sổ kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các đồng tiền khác phát sinh được ghi theo nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

3. Sổ kế toán được ghi chép theo hệ thống kế toán Việt Nam.

Hình thức sổ sách kế toán: Nhật ký sổ cái.

4. Chế độ kế toán áp dụng theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC và điều chỉnh, bổ sung, cập nhật theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế ("Thông tư 200"). Thông tư có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ("Quyết định 15") ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Ngoài ra, Thông tư 200 cũng đã đưa ra một số thay đổi về nguyên tắc hạch toán một số khoản mục trên báo cáo tài chính

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2017	01/01/2017
Tiền gửi ngân hàng	642,859,376 (1)	705,134,590
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	642,859,376	705,134,590

(1) Trong đó:

Tiền gửi ngân hàng Vietcombank bằng VNĐ	558,329,610
Tiền gửi ngân hàng BIDV bằng VNĐ	84,529,766

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/03/2017	01/01/2017
Đầu tư ngắn hạn – tiền gửi tại các ngân hàng	37,000,000,000 (1)	35,000,000,000
Cộng	37,000,000,000	35,000,000,000

(1) Trong đó:

Đây là khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần trong nước bằng VNĐ có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại không quá một năm với mức lãi suất 6.5% /năm.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/03/2017	01/01/2017
Phải thu Công ty DLVN	3,223,887,881	2,998,782,324
Phải thu Quỹ Thành Viên	69,931,395	66,799,093
Phải thu ngắn hạn khác	1,428,945,835 (1)	1,788,677,499
Trả trước cho người bán	21,000,000 (2)	21,000,000
Cộng	4,743,765,111	4,875,258,916

(1) Trong đó:

- Khoản phải thu từ ứng lương dưới 3 tháng	153,675,000
- Khoản phải thu từ ứng lương trên 3 tháng đến dưới 12 tháng	329,375,000

(2) Đây là khoản ứng trước tiền tổ chức sự kiện cho Công ty Cổ Phần Quảng cáo Redder.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/03/2017	01/01/2017
Số dư đầu kỳ	475,097,875	449,240,725
Tăng trong kỳ	297,368,537	1,548,608,180
Phân bổ trong kỳ	(385,543,528)	(1,522,751,030)
Số dư cuối kỳ	<u>386,922,884</u>	<u>475,097,875</u>

5. Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2017	01/01/2017
Số dư đầu kỳ	719,160,335	185,156,619
Tăng trong kỳ	45,243,000	671,977,443
Phân bổ trong kỳ	(61,190,947)	(137,973,727)
Số dư cuối kỳ	<u>703,212,388</u>	<u>719,160,335</u>

6. Tình hình tăng, giảm TSCĐ

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phần mềm	Chi phí XD CB dở dang (*)	Tổng cộng
I. NGUYÊN GIÁ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH				
1. Số dư đầu kỳ	846,120,000	4,054,843,148		4,900,963,148
2. Số tăng trong kỳ				
Trong đó:				
- Mua sắm mới				
- Chuyển từ tài khoản khác				
- Kết chuyển từ XD CB dở dang (*)				
3. Số giảm trong kỳ				
Trong đó:				
- Kết chuyển vào TSCĐ				
4. Số dư cuối kỳ	846,120,000	4,054,843,148		4,900,963,148
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN				
1. Số đầu kỳ	169,224,000	442,203,596		611,427,596
2. Tăng trong kỳ	42,306,000	216,648,824		258,954,824
3. Giảm trong kỳ (thanh lý)				
4. Giảm khác				
5. Số cuối kỳ	211,530,000	658,852,420		870,382,420
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
1. Số đầu kỳ	-	-		-
2. Số cuối kỳ	634,590,000	3,395,990,728		4,030,580,728

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	701,071,761	684,867,387	(701,071,760)	684,867,388
Thuế thu nhập cá nhân	46,908,954	848,765,922	(848,770,016)	46,904,860
Các khoản phí, lệ phí, phí khác	-	17,758,433	(17,758,433)	-
Cộng	747,980,715	1,551,391,742	(1,567,600,209)	731,772,248

8. Chi phí trích trước

	31/03/2017	01/01/2017
Trích trước chi phí hoạt động	374,644,639	178,628,975
Trích trước các khoản lương, thưởng	650,218,000	2,121,151,702
Cộng	1,024,862,639	2,299,780,677

9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2017	01/01/2017
Bảo hiểm xã hội	-	-
Kinh phí công đoàn	-	-
Các khoản phải trả khác	1,085,000	78,009,829
Cộng	1,085,000	78,009,829

10. Trích quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

	31/03/2017	01/01/2017
Trích quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	181,249,999	145,000,000
Cộng	181,249,999	145,000,000

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Vốn chủ sở hữu

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Góp vốn (*)	25,000,000,000	-	-	25,000,000,000
Quỹ dự phòng tài chính	904,309,583	-	-	904,309,583
Quỹ khác thuộc vốn CSH (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)	904,309,583	-	-	904,309,583
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16,056,007,683	2,739,469,546	-	18,795,477,229
Tổng Cộng	42,864,626,849	2,739,469,546	-	45,604,096,395

(*) Theo Giấy phép đầu tư số 53/GP-UBCK, tổng số vốn đầu tư là 25,000,000,000 đồng (hai mươi lăm tỷ đồng). Vốn đầu tư do Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam đầu tư. Đến ngày 31/03/2017, Công ty đã góp đủ số vốn theo quy định.

12. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Tiền gửi không kỳ hạn của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam				
- Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng HSBC Việt Nam	8,632,347,247	57,283,272,249	63,676,838,431	2,238,781,065
Tổng cộng	8,632,347,247	57,283,272,249	63,676,838,431	2,238,781,065

13. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam		
Phải thu cổ tức	85,900,000	283,183,000
Phải thu bán cổ phiếu	287,443,188	1,273,072,022
Tổng cộng	373,343,188	1,556,255,022

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2013</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2017</i>
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam		
Phí phải trả cho Công ty Quản lý quỹ DFVN	3,223,887,881	2,998,782,324
Phải trả cho giao dịch mua cổ phiếu	<u>1,267,964,097</u>	<u>931,545,225</u>
Tổng cộng	<u>4,491,851,978</u>	<u>3,930,327,549</u>

15. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2017</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2017</i>
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác quản lý đầu tư trong nước là Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam		
Cổ phiếu niêm yết	59,712,853,676	51,525,980,365
<i>Trong đó Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro</i>	3,840,488,690 (1)	9,991,858,800
Trái phiếu chính phủ	36,692,864,800	36,692,864,800
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	33,877,000,000	33,877,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	<u>1,500,000,000</u>	<u>1,000,000,000</u>
Tổng cộng	<u>131,782,718,476</u>	<u>123,095,845,165</u>

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(1)

Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2017</i>
Tập đoàn Bảo Việt	576,357,955
Công ty CP Cao Su Đồng Phú	287,405,463
Tổng công ty Khí Việt Nam	598,347
Công ty CP Tập đoàn Kido	345,202,027
Công ty CP Cao Su Phước Hòa	414,892,240
Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	602,580,103
Công ty CP Hàng không VietJet	1,613,452,555
Tổng cộng	3,840,488,690

Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro

	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2017</i>
Ngân hàng TMCP và Phát triển Việt Nam	1,000,490,640
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	2,316,070,989
Tổng CTCP Phân bón và hóa chất Dầu khí	915,146,395
Công ty CP Chứng Khoán TP HCM	516,791,097
Tập đoàn Bảo Việt	1,288,327,873
Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	732,744,841
CTCP Cao Su Đồng Phú	151,301,613
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	87,934,895
Công ty CP Gemadept	299,267,094
Công ty CP Cao Su Phước Hòa	518,126,025
Công ty CP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	618,225,950
Công ty CP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	301,100,975
Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị và khu công nghiệp Sông Đà	118,051,813
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	1,128,278,600
Tổng cộng	9,991,858,800

16. Doanh thu hoạt động kinh doanh

	Q1.2017	Q1.2016
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	6,604,271,089	4,764,715,279
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ ĐTCK	207,319,164	170,791,195
Cộng	6,811,590,253	4,935,506,474

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Q1.2017	Q1.2016
Lương và các chi phí theo lương	2,409,652,673	1,968,141,915
Công cụ dụng cụ & văn phòng phẩm	362,339,325	310,758,392
Chi phí công tác	43,924,122	60,345,778
Thuế và phí khác	3,000,000	3,000,000
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	863,750,108	740,473,933
Chi phí khác	13,185,700	10,598,320
Chi phí khấu hao tài sản cố định	258,954,824	77,072,667
Trích quỹ bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	36,249,999	-
Cộng	3,991,056,751	3,170,391,005

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Q1.2017	Q1.2016
Lãi tiền gửi	603,803,431	449,441,919
Cộng	603,803,431	449,441,919

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Mức thuế suất Thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20% theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Chi phí thuế TNDN

	Q1.2017	Q1.2016
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	684,867,387	442,911,477

Ngày 18 tháng 04 năm 2017

Người lập

Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy Linh

